BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Kế toán 1 - K12

Môn thi: **Phân tích hoạt động kinh doanh** Lần thi: 2 Giám thị 1: M. Trí Ký tên:

Học kỳ: 1 Năm học: 2012 - 2013 Ngày thi: 15/11/13 Giám thị 2: H. Thanh Ký tên:

Cán bộ giảng dạy: Nguyễn Thị Thu Trang Phòng thi: A1.11 Giám thị 3: V. Phương Ký tên:

Tổng số bài: 35 Số tờ: 35 Giám thị 4: Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1010130003	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	08/04/1992			8,0	8,0	Tám
2	1010130004	Nguyễn Ngọc	Châu	07/12/1992			7,0	7,0	Bảy
3	1010130007	Nguyễn Chí	Công	12/09/1992			8,0	8,0	Tám
4	1010130010	Phan Thị	Danh	14/02/1992			7,0	7,0	Bảy
5	1010130012	Bùi Thị	Điểm	06/06/1992			6,0	6,0	Sáu
6	1010130013	Phạm Thị Phương	Dung	22/02/1992			4,0	4,0	Bốn
7	1010130014	Trần Thị Phương	Dung	02/06/1989					
8	1010130015	Trần Thị Mỹ	Dung	17/02/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
9	1010130018	Phạm Thị Mỹ	Duyên	02/05/1990			8,0	8,0	Tám
10	1010130020	Dương Thị Thái	Hà	20/10/1992			8,0	8,0	Tám
11	1010130023	Lê Thị Mai	Hằng	19/04/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
12	1010130024	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	16/07/1992			6,0	6,0	Sáu
13	1010130025	Phan Thị Ái	Hậu	30/11/1992			7,0	7,0	Bảy
14	1010130026	Dương Thị Thúy	Hiền	20/05/1991			7,0	7,0	bảy
15	1010130027	Bùi Thị Thu	Hiền	12/03/1991			7,0	7,0	bảy
16	1010130028	Cao Thị	Hiền	22/10/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
17	1010130032	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	08/09/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
18	1010130033	Nguyễn Thị	Hòa	01/09/1992					
19	1010130036	Nguyễn Thị Hoa	Hồng	13/12/1992			7,0	7,0	bảy
20	1010130038	Nguyễn Thị	Huệ	25/01/1990			6,5	6,5	Sáu rưỡi
21	1010130039	Nguyễn Thị Quế	Hương	22/06/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
22	1010130040	Lã Thị	Hương	10/01/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
23	1010130043	Nguyễn Vũ	Khoa	04/06/1992			7,0	7,0	bảy
24	1010130044	Võ Thị Thanh	Kiều	23/02/1992			8,0	8,0	Tám
25	1010130048	Ngô Thị Kim	Lan	07/08/1991			7,0	7,0	Bảy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1010130054	Nguyễn Trúc	Linh	10/06/1992			5,0	5,0	Năm
27	1010130055	Nguyễn Thị Trúc	Linh	25/10/1991			7,0	7,0	Bảy
28	1010130057	Hồ Thị Bích	Loan	10/10/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
29	1010130058	Hồ Thị Kim	Loan	14/11/1992			7,0	7,0	Bảy
30	1010130059	Nguyễn Thị Kim	Ngoan	13/09/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
31	1010130060	Phan Hữu	Lộc	25/09/1992			5,0	5,0	Năm
32	1010130063	Ngô Thị Trúc	Ly	11/11/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
33	1010130064	Trần Thị Lệ	My	01/01/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
34	1010130066	Trần Tuyết	Nga	04/07/1992			6,5	6,5	Sáu rưỡi
35	1010130068	La Thiên Hồng	Ngọc	18/11/1992			6,0	6,0	Sáu
36	1010130070	Nguyễn Khánh	Nhi	15/03/1992			6,0	6,0	Sáu
37	1010130071	Nguyễn Thị	Nhi	02/02/1992			6,0	6,0	Sáu

Ngày . 24 . tháng . 1 . . năm 2013